

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Tấn Đức
2. Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 225/2019/TLPT-HS ngày 10/7/2019 đối với bị cáo Nguyễn N và Lai Phu B về tội “*Buôn bán hàng cấm*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2019/HSST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Bị cáo: NGUYỄN N (tên gọi khác: C); sinh năm 1986, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Số 122/7 đường H, tổ dân phố 1, phường T, hành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 5/12; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Nguyễn Túc (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mười; bị cáo đang chung sống như vợ chồng với bà Mạch Tiểu Phi; bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30/9/2018, tạm giam ngày 05/10/2018 đến ngày 27/3/2019 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cho B lĩnh. Hiện bị cáo được tại ngoại - Có mặt.

2. Bị cáo: LAI PHU B (tên gọi khác: Đ); sinh ngày 27/6/1999, tại: tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lai Thật Quy và bà Lê Thị Châu; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/12/2018, tạm giam ngày 24/12/2018 đến ngày 27/3/2019 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cho B lĩnh. Hiện bị cáo được tại ngoại - Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn N: Ông Nguyễn Hữu - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: 37 Lý Thường Kiệt, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 29/9/2018, Nguyễn N rủ Lai Phu B đi tỉnh Gia Lai mua thuốc lá điều nhập lậu, rồi chở về thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bán lại để kiếm lời thì B đồng ý. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, N gọi điện thoại cho B hẹn nhau để đi, sau đó N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47A.092.78 đến nhà của B để đón B đi tỉnh Gia Lai mua thuốc lá điều nhập lậu. N và B không có thỏa thuận về tiền công của B, nhưng mỗi lần B đi với N để mua thuốc lá điều nhập lậu tại tỉnh Gia Lai thì N trả cho B từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng. Trên đường đi thì N có gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thị Ngọc T, trú tại số 58/6, đường Phạm Đ, tổ 02, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (là người bán thuốc lá điều nhập lậu cho N và B), để bà T chuẩn bị thuốc lá điều nhập lậu. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, N nhận điện thoại của bà T gọi, B N đến bốc thuốc lá điều nhập lậu, nên N điều khiển xe ô tô đến nhà của bà T, khi đến nơi, B và T là người bốc túi ni long đựng 515 cây thuốc lá Jet tương đương với 5.150 bao (gói); 35 cây thuốc lá 555 tương đương với 350 bao (gói); 99 cây thuốc lá ESSE tương đương với 990 bao (gói) đưa cho N xếp lên xe. Sau khi xếp các túi đựng thuốc lá xong thì N trả tiền cho bà T 110.000.000 đồng, rồi N và B điều khiển xe ô tô về thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 02 giờ ngày 30/9/2018, khi xe ô tô của N và B điều khiển đến khu vực thuộc thôn 14, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì bị trạm Cảnh sát giao thông huyện K chặn xe, kiểm tra phát hiện N và B chở thuốc lá điều nhập lậu, nên giao N và B cùng vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K xử lý.

Bị cáo Lai Phu B sau thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm cùng với bị cáo N thì vào ngày 21/12/2018, bị cáo B đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đầu thú.

Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk thu giữ gồm: 6.490 bao thuốc lá điều nhập lậu, tương đương 649 cây thuốc lá điều nhập lậu các loại gồm: Nhãn hiệu Jet: 5.150 bao, mỗi bao thuốc lá có 20 điếu; nhãn hiệu ESSE: 990 bao, mỗi bao thuốc lá có 20 điếu; nhãn hiệu 555: 350 bao, mỗi bao thuốc lá có 20 điếu, trên bao bì tất cả các loại thuốc nêu trên có in chữ nước ngoài, không có nhãn phụ bằng tiếng Việt Nam, không ghi nơi sản xuất, trên bao không có dán tem thuốc lá nhập lậu; 01 ô tô biển kiểm soát 47A – 092.78, nhãn hiệu KIA; 01 giấy chứng minh nhân dân số 240857846 mang tên Nguyễn N; 01 giấy chứng đăng ký xe ô tô số 028012, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 6276956,

01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn N; 01 điện thoại di động OPPO F1S; 01 sim điện thoại số 0914091959; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 (trong có sim điện thoại số 0905210507) do Nguyễn N giao nộp; 01 điện thoại di động Iphone 5S (trong đó có sim 0931628171) do Lai Phu B giao nộp.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2019/HSST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn N, Lai Phu B phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn N** 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2018 đến ngày 27/3/2019.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Lai Phu B** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2018 đến ngày 27/3/2019.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/6/2019, các bị cáo Nguyễn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Lai Phu B kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn N và Lai Phu B về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 06 năm tù đối với bị cáo Nguyễn N và 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Lai Phu B là nhẹ so với tính chất, mức độ, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Các bị cáo không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn N trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Buôn bán hàng cấm*” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 51 BLHS là bất lợi cho bị cáo vì gia đình bị cáo là hộ nghèo, mẹ bị cáo thường xuyên đau ốm, có 01 anh và 01 chị bị khuyết tật nặng, hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn nên mới phạm tội để lo cho gia đình. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKS vẫn giữ nguyên quan điểm, việc người bào chữa đề nghị áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là không có căn cứ bởi bị cáo đã tách khẩu từ năm 2010.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 29/9/2018, các bị cáo Nguyễn N và Lai Phu B đã có hành vi mua 6.490 bao thuốc lá điều nhập lậu (tương đương 649 cây thuốc lá điều nhập lậu các loại gồm: Nhãn hiệu Jet: 5.150 bao; nhãn hiệu ESSE: 990 bao; nhãn hiệu 555: 350 bao), với giá 110.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ngọc T (trú tại số 58/6, đường Phạm Đ, tổ 02, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai) rồi sử dụng chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47A – 092.78 chở về thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để bán lại kiếm lời thì bị phát hiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn N và Lai Phu B về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX xét thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo khai nhận mỗi lần Lai Phu B đi cùng Nguyễn N thì được Nguyễn N trả tiền công từ 200.000đ đến 250.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xác nhận trước khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 29/9/2018, Nguyễn N từng rủ Lai Phu B sang Gia Lai đi đám cưới và trả tiền công cho Lai Phu B là 200.000đ nên mới khai nhận như trên, ngoài lần phạm tội này, bị cáo Nguyễn N và Lai Phu B không buôn bán hàng cấm lần nào khác. Do đó, chỉ có căn cứ xác định các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn.

Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 06 năm tù đối với bị cáo Nguyễn N và 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Lai Phu B là quá nhẹ so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Bởi lẽ các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo mua bán hàng cấm với số lượng rất lớn (6.490 bao thuốc lá điều), hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 08 năm đến 15 năm tù, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn N mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và trong khung hình phạt liền kề mà Điều luật quy định, xử phạt bị cáo Lai Phu B dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề là đã xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh, vai trò của

các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn N cung cấp tài liệu thể hiện mẹ của bị cáo thường xuyên đau ốm, bị cáo có 01 anh và 01 chị bị khuyết tật nặng, tuy nhiên đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn N và kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lai Phu B là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với quan điểm của người bào chữa cho rằng cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo Nguyễn N, HĐXX xét thấy: Bị cáo có xe ô tô đang Hợp đồng liên kết với Công ty TNHH Taxi du lịch Quyết Tiến để tham gia hoạt động kinh doanh Taxi. Lý lịch bị can thể hiện gia đình bị cáo có 10 anh chị em đều đã thành niên, trong đó có 02 anh, chị bị khuyết tật nặng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, những người khác đều có công việc tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Điểm g khoản 1 Điều 51 BLHS quy định phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do tự mình gây ra. Do đó, việc gia đình bị cáo có Giấy chứng nhận hộ nghèo không thuộc trường hợp được áp dụng điểm g khoản 1 Điều 51 BLHS.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lai Phu B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Gia đình bị cáo Nguyễn N thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn N và bị cáo Lai Phu B. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HSST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk về phần hình phạt.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn N** 06 (Sáu) năm tù về tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2018 đến ngày 27/3/2019.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Lai Phu B** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2018 đến ngày 27/3/2019.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lai Phu B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho cáo Nguyễn N.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (2 bản);
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Công an huyện Krông Búk;
- Cơ quan THAHS huyện Krông Búk;
- Chi cục T.H.A DS huyện K;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương